

CÁ NHÂN HÓA ĐÀO TẠO LUẬT TRONG KỶ NGUYÊN SỐ: ĐỔI MỚI PHÙ HỢP VỚI NGƯỜI HỌC TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM

Nguyễn Thị Minh Hạnh¹, Trần Hồng Ngọc¹

Email: hanhntm@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1072

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số, giáo dục đại học trên thế giới đang chuyển dịch mạnh từ mô hình “đào tạo khuôn mẫu” sang tiếp cận “cá nhân hóa học tập” nhằm đáp ứng nhu cầu và sở thích học tập rất khác nhau của sinh viên. Tuy vậy, tại Việt Nam, đào tạo ngành Luật vẫn chủ yếu dựa trên mô hình truyền thống, chưa tận dụng đầy đủ cơ hội mà công nghệ số mang lại để phát triển năng lực học tập thích ứng. Nghiên cứu này hướng đến việc xây dựng nền tảng lý luận, khảo sát kinh nghiệm quốc tế, xem xét thực tiễn trong nước và đề xuất một mô hình đào tạo pháp lý phù hợp với người học trong môi trường số. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp các nguồn tài liệu học thuật, báo cáo nghiên cứu cấp Bộ và cấp Trường đã được nghiệm thu trong giai đoạn 2021 - 2024. Cách tiếp cận này cho phép xác lập cơ sở dữ liệu đáng tin cậy về sự đổi mới trong giảng dạy luật tại Việt Nam và trên thế giới. Kết quả nghiên cứu cho thấy cá nhân hóa học tập trong đào tạo luật là xu hướng tất yếu, song việc triển khai tại Việt Nam còn chịu tác động của nhiều hạn chế về công nghệ, năng lực giảng viên và cơ chế quản lý đào tạo. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình “Đào tạo luật thích ứng số” gồm ba thành tố: (1) chương trình học linh hoạt theo mô - đun; (2) công nghệ học tập thích ứng; và (3) vai trò mới của giảng viên như người hướng dẫn quá trình học tập cá nhân hóa. Nghiên cứu cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho đổi mới giáo dục pháp lý, góp phần phát triển môi trường học tập linh hoạt, đặt người học ở vị trí trung tâm trong giáo dục đại học Việt Nam.

Từ khóa: cá nhân hóa học tập, đào tạo luật, chuyển đổi số, giáo dục đại học, mô hình thích ứng

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

I. Đặt vấn đề

1.1. Bối cảnh và lý do nghiên cứu

Quá trình chuyển đổi số đang diễn ra sâu rộng trên toàn thế giới, tái định hình căn bản mô hình, phương pháp và triết lý đào tạo đại học. Giáo dục hiện đại đã chuyển dịch mạnh từ việc tập trung truyền đạt kiến thức sang chú trọng phát triển năng lực học tập, đặt người học làm trung tâm toàn bộ hoạt động giảng dạy. Các tổ chức quốc tế lớn như OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) (2021), UNESCO (2022), European Commission (Ủy ban Châu Âu) (2023) đều xác định cá nhân hóa học tập là định hướng chiến lược then chốt của giáo dục thế kỷ XXI, trong đó ứng dụng dữ liệu học tập và công nghệ số - đặc biệt trí tuệ nhân tạo (AI) - giúp nhà trường đáp ứng tốt hơn nhu cầu, tốc độ và phong cách học tập riêng của từng sinh viên. Tại Việt Nam, chiến lược chuyển đổi số giáo dục giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030 (Bộ Giáo dục & Đào tạo, 2022) cũng nhấn mạnh yêu cầu “đặt người học làm trung tâm” và “ứng dụng công nghệ để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng”.

Đối với lĩnh vực đào tạo luật, yêu cầu đổi mới càng trở nên cấp thiết khi bối cảnh hành nghề pháp lý đang thay đổi sâu sắc dưới tác động của toàn cầu hóa và công nghệ số. Thị trường pháp lý hiện đại đòi hỏi sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức mà còn phải sở hữu tư duy phản biện sắc bén, đạo đức nghề nghiệp vững vàng, kỹ năng phân tích dữ liệu pháp lý và khả năng thích ứng nhanh với các công nghệ pháp lý mới (Legal Tech). Do đó, các cơ sở giáo dục cần xây dựng môi trường học tập mở, chú trọng phát triển năng lực tự học, vận dụng kiến thức và giải quyết vấn

đề thực tiễn. Tuy nhiên, phần lớn chương trình đào tạo luật tại các trường đại học Việt Nam hiện nay vẫn mang nặng tính hàn lâm truyền thống, thống nhất và ít linh hoạt, chưa khai thác đầy đủ tiềm năng của dữ liệu học tập và trí tuệ nhân tạo để cá nhân hóa nội dung, phương pháp và đánh giá cho từng người học.

1.2. Tình hình nghiên cứu và khoảng trống khoa học

Nghiên cứu quốc tế trong thời gian gần đây đã có nhiều công trình chuyên sâu về cá nhân hóa trong giáo dục luật: Benjamin & Jacob (2020), Singh & Lim (2022), các báo cáo của OECD, UNESCO, World Bank... đều khẳng định rằng cá nhân hóa học tập là xu hướng then chốt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số. Cách tiếp cận này giúp chương trình đào tạo đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của người học và thúc đẩy việc học tập suốt đời. Ở Việt Nam, một số công trình nghiên cứu về chuyển đổi số trong giáo dục đại học (Bộ GD&ĐT, 2022; Nguyễn Văn Cường & Trần Thị Thu Hà, 2023) và đổi mới đào tạo ngành Luật (Nguyễn Ngọc Điện, 2020; Phan Thị Thu Hiền, 2022) đã bước đầu đề cập đến vấn đề này. Tuy vậy, phần lớn các nghiên cứu tại Việt Nam hiện nay mới chỉ đề cập chung chung đến vấn đề này; chưa có nhiều phân tích mang tính hệ thống về việc ứng dụng công nghệ số trong đào tạo luật cũng như chưa đánh giá đầy đủ mức độ cá nhân hóa trong các chương trình đang triển khai.

Do vậy, khoảng trống khoa học đặt ra là cần có một nghiên cứu tổng hợp, phân tích và so sánh đề: (1) xác định cơ sở lý luận của cá nhân hóa trong đào tạo luật; (2) đánh giá thực trạng và kinh nghiệm quốc tế về cá nhân hóa giáo dục luật; và

(3) đề xuất khung định hướng phù hợp với bối cảnh các trường đại học Việt Nam.

1.3. Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát của nghiên cứu là xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm định hướng đổi mới cá nhân hóa học tập trong đào tạo luật tại Việt Nam, từ đó góp phần cải thiện chất lượng chương trình và tăng cường mức độ đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của sinh viên trong bối cảnh số hóa.

Các câu hỏi nghiên cứu đặt ra bao gồm:

Cách hiểu về cá nhân hóa trong giáo dục đại học và ý nghĩa của nó đối với đào tạo ngành luật?

Những mô hình, công cụ và kinh nghiệm cá nhân hóa đào tạo luật đã được triển khai trong và ngoài nước ra sao?

Đâu là định hướng và giải pháp khả thi có thể áp dụng để thúc đẩy cá nhân hóa trong đào tạo luật tại các trường đại học Việt Nam trong quá trình chuyển đổi số hiện nay?

1.4. Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung làm rõ ba nhóm vấn đề cốt lõi liên quan đến cá nhân hóa học tập trong đào tạo cử nhân luật tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2024, có đối chiếu với kinh nghiệm quốc tế từ các quốc gia có nền giáo dục pháp lý tiên tiến (Hoa Kỳ, Anh, Singapore, Úc):

Nhóm vấn đề lý luận: khái niệm, bản chất và các cấp độ của cá nhân hóa học tập trong giáo dục đại học; đặc trưng riêng biệt của cá nhân hóa trong đào tạo pháp lý (tính thực tiễn cao, yêu cầu phát triển đồng thời kiến thức - kỹ năng - thái độ nghề nghiệp); vai trò của công nghệ số, dữ liệu học tập (learning analytics) và trí tuệ nhân tạo trong việc xây dựng lộ trình học tập cá nhân hóa.

Nhóm vấn đề thực tiễn: Thực trạng triển khai cá nhân hóa tại các cơ sở đào tạo luật lớn của Việt Nam (Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật TP.HCM, Trường Đại học Mở Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Luật TP.HCM, Khoa Luật ĐHQG Hà Nội); Các mô hình, công cụ và kinh nghiệm thành công tại một số trường luật tiêu biểu quốc tế như: Harvard Law School (Trường Luật Harvard), NUS Law (National University of Singapore - Faculty of Law - Trường Luật Đại học Quốc gia Singapore), UNSW Law (University of New South Wales - Faculty of Law - Trường Luật Đại học New South Wales), University of Arizona James E. Rogers College of Law (Trường Luật James E. Rogers thuộc Đại học Arizona.), v.v.; Tác động thực tế của môi trường số đến thiết kế chương trình, phương pháp giảng dạy, đánh giá và vai trò giảng viên.

Nhóm vấn đề định hướng và giải pháp: những yêu cầu bắt buộc đối với đổi mới đào tạo luật Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay; đề xuất mô hình “Đào tạo luật thích ứng số” cùng các điều kiện thể chế, công nghệ và nguồn lực cần thiết để triển khai hiệu quả giai đoạn 2025 - 2030.

Nguồn dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu này gồm hai nhóm chính: dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp gián tiếp được tổng hợp từ các báo cáo nghiên cứu cấp Bộ, cấp Trường, các bài báo khoa học trong và ngoài nước, tài liệu của OECD, UNESCO, EC, World Bank và các công trình thực tiễn về đổi mới đào tạo luật. Các nguồn dữ liệu được lựa chọn theo tiêu chí: tính xác thực, khả năng kiểm chứng và mức độ liên quan trực tiếp đến chủ đề cá nhân hóa và chuyển đổi số trong giáo dục pháp lý.

1.5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Về mặt khoa học, nghiên cứu này góp phần bổ sung và hệ thống hóa lý luận về cá nhân hóa học tập trong lĩnh vực đào tạo luật, làm phong phú thêm nền tảng khoa học giáo dục pháp lý tại Việt Nam. Đồng thời, nghiên cứu làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa công nghệ số, dữ liệu học tập (learning analytics) và việc hình thành năng lực nghề luật hiện đại - bao gồm tư duy phản biện, kỹ năng phân tích dữ liệu pháp lý, đạo đức nghề nghiệp và khả năng ứng dụng công nghệ pháp lý (legal tech). Quan trọng nhất, nghiên cứu đề xuất mô hình lý thuyết “Đào tạo luật thích ứng số” với ba cấu phần tích hợp chặt chẽ, từ đó tạo ra nền tảng khái niệm và khung phân tích vững chắc cho các công trình nghiên cứu tiếp theo trong lĩnh vực giáo dục pháp lý số.

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu cung cấp căn cứ khoa học và thực tiễn để các trường đại học luật điều chỉnh chương trình đào tạo, phương pháp dạy học và quy trình đánh giá theo hướng mô đun linh hoạt, dựa trên năng lực. Nghiên cứu cũng gợi mở những giải pháp khả thi, cụ thể nhằm nâng cao năng lực số và năng lực thiết kế học tập cá nhân hóa cho đội ngũ giảng viên luật trong giai đoạn 2025 - 2030. Đặc biệt, các hàm ý chính sách được đưa ra một cách rõ ràng sẽ hỗ trợ đổi mới quản trị học thuật, kiểm định chất lượng và đầu tư hạ tầng công nghệ trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các cơ sở đào tạo luật tham khảo và triển khai ngay lập tức.

II. Cơ sở lý luận

Phân tích các công trình lý luận trong nước và quốc tế cho thấy cá nhân hóa học tập đang trở thành một định hướng quan trọng của giáo dục đại học thế kỷ XXI,

trong đó nhấn mạnh sự dịch chuyển từ cách dạy học truyền thống (teacher-centered-lấy giáo viên làm trung tâm) sang phát triển năng lực, đáp ứng nhu cầu, tốc độ và phong cách học tập riêng của từng người học. Theo OECD (2021, 2025) nhấn mạnh rằng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu học tập (learning analytics) cho phép tạo ra các trải nghiệm học tập cá nhân hóa thực sự, tối ưu hóa tiến độ, phong cách và kết quả học tập của từng sinh viên. Tương tự, UNESCO (2022, 2023) định nghĩa cá nhân hóa không chỉ là linh hoạt hóa nội dung mà là một chiến lược sư phạm toàn diện dựa trên dữ liệu, giúp thu hẹp khoảng cách học tập và thúc đẩy học tập suốt đời. Ủy ban Châu Âu (European Commission) (2023) trong Digital Education Action Plan 2021 - 2027 (Kế hoạch hành động giáo dục kỹ thuật số 2021-2027) cũng xác định đây là trụ cột chính để tái thiết giáo dục trong kỷ nguyên số.

Trong đào tạo ngành Luật, cá nhân hóa học tập có vai trò đặc biệt quan trọng bởi lĩnh vực này đòi hỏi người học phải phát triển tư duy phản biện, khả năng lập luận, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng xử lý tình huống trong môi trường pháp lý phức tạp. Các cơ sở đào tạo luật hàng đầu như Trường Luật Đại học Harvard, Trường Luật Đại học Quốc gia Singapore hay Trường Luật Đại học Quốc gia Úc đều chuyển đổi phương thức giảng dạy truyền thống sang hướng phát triển năng lực người học, tăng cường kỹ năng nghiên cứu và giải quyết vấn đề, đồng thời tạo môi trường học tập phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp cá nhân của sinh viên.

III. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

Bài viết tiếp cận chủ đề cá nhân hóa trong đào tạo luật từ góc nhìn gắn kết giữa

giáo dục học, luật học và công nghệ giáo dục, qua đó làm rõ nền tảng lý luận, thực tiễn và định hướng đổi mới chương trình đào tạo luật phù hợp với xu thế phát triển của các trường đại học tại Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu trọng tâm là phân tích - tổng hợp và so sánh định tính dựa trên hệ thống tài liệu, các công trình nghiên cứu đã công bố và dữ liệu thực tế từ nhiều đề tài khoa học liên quan.

Cụ thể, nghiên cứu tiến hành phân tích nội dung của các tài liệu trong và ngoài nước về đổi mới giáo dục đại học, tập trung vào xu hướng cá nhân hóa học tập kết hợp với ứng dụng công nghệ số trong đào tạo ngành Luật. Đồng thời, nhóm tác giả tổng hợp và so sánh kinh nghiệm quốc tế để làm rõ những mô hình có thể vận dụng vào thực tiễn tại Việt Nam.

Cách tiếp cận này giúp bài viết không chỉ phản ánh thực trạng mà còn nhận diện rõ các xu hướng phát triển mới, qua đó đóng góp vào việc hoàn thiện nhận thức và định hướng đổi mới giáo dục pháp lý trong bối cảnh số hóa.

2.2. Dữ liệu và nguồn thông tin nghiên cứu

Nguồn dữ liệu phục vụ nghiên cứu được chia thành hai nhóm chính, được lựa chọn và xử lý theo nguyên tắc đảm bảo độ tin cậy, khả năng kiểm chứng và tính chính xác khoa học. Các dữ liệu được sử dụng đều là dữ liệu thực, hoàn toàn không dựa trên thông tin giả lập hoặc suy đoán.

Thứ nhất là nguồn dữ liệu thứ cấp. Nhóm dữ liệu thứ cấp được tổng hợp từ hệ thống các tài liệu, báo cáo và công trình nghiên cứu đã được công bố trong nước và quốc tế, phản ánh những xu thế đổi mới giáo dục đại học nói chung và giáo dục pháp lý nói riêng trong bối cảnh chuyển

đổi số. Các nguồn này bao gồm báo cáo đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2025 liên quan đến chuyển đổi số, đổi mới chương trình đào tạo và phát triển năng lực đội ngũ giảng viên luật. Bên cạnh đó là các tài liệu quốc tế của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, Ngân hàng thế giới và Ủy ban Châu Âu đề cập đến xu hướng học tập cá nhân hóa, chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số và đổi mới phương pháp giảng dạy trong giáo dục đại học. Ngoài ra, nghiên cứu cũng khai thác các bài báo khoa học, các công trình nghiên cứu từ các trường đại học trong và ngoài nước về đổi mới đào tạo ngành luật, ứng dụng công nghệ vào giảng dạy và thiết kế chương trình pháp lý theo hướng hiện đại. Đặc biệt, bài viết có tham chiếu các báo cáo liên quan đến chuyển đổi số và phương pháp dạy học đổi mới tại một số cơ sở đào tạo luật lớn như Trường Đại học Luật Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Mở Hà Nội - những đơn vị có nhiều đóng góp trong cải tiến chương trình đào tạo luật thời gian gần đây.

Thứ hai là nguồn dữ liệu sơ cấp gián tiếp. Khác với các nghiên cứu định lượng dựa trên khảo sát hay phỏng vấn, bài viết này không thu thập dữ liệu sơ cấp trực tiếp, mà sử dụng lại dữ liệu thực tế từ các đề tài khoa học đã triển khai trước đây. Nhóm dữ liệu sơ cấp gián tiếp được khai thác từ các công trình nghiên cứu mà tác giả đã tham gia hoặc có cơ hội tiếp cận trong những năm gần đây. Khác với các nghiên cứu dựa trên khảo sát hoặc phỏng vấn trực tiếp, bài viết sử dụng nguồn dữ liệu thực tế từ những đề tài khoa học đã nghiệm thu, giúp đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy. Nguồn dữ liệu này gồm các báo cáo đánh giá, kết quả nghiệm thu và

các nhận định chuyên môn rút ra từ các đề tài cấp Bộ và cấp Trường, như: (1) Kết quả nghiên cứu của đề tài “Đổi mới phương pháp giảng dạy và phát triển năng lực trong đào tạo luật tại Việt Nam” (2021 - 2023); (2) Dữ liệu từ đề tài cấp Trường về ứng dụng công nghệ số và mô hình học tập thích ứng trong đào tạo luật; và (3) Biên bản hội thảo, báo cáo tổng hợp và đánh giá chương trình đào tạo từ các cơ sở giáo dục pháp lý mà nhóm nghiên cứu có tham gia.

2.3. Phương pháp phân tích

Quá trình phân tích và xử lý dữ liệu trong nghiên cứu được triển khai theo hướng tiếp cận định tính, dựa trên tổng hợp có hệ thống các nguồn tài liệu và dữ liệu thứ cấp có độ tin cậy cao. Quá trình này được tiến hành qua ba bước chính, bao gồm phân tích nội dung, phân tích so sánh và tổng hợp - khái quát hóa.

Trước hết, phương pháp phân tích nội dung được sử dụng để xem xét, mã hóa và hệ thống hóa thông tin xoay quanh ba khía cạnh trọng tâm: (1) Cơ sở lý luận của cá nhân hóa học tập; (2) Các yếu tố đặc trưng trong giáo dục đại học; và (3) Thực tiễn triển khai mô hình này trong đào tạo luật ở Việt Nam và trên thế giới. Phân tích chủ đề (thematic analysis) cho phép nhận diện các yếu tố cốt lõi, từ đó rút ra đặc trưng của mô hình học tập cá nhân hóa phù hợp với bối cảnh của Việt Nam.

Bên cạnh đó, phương pháp so sánh được sử dụng để tham chiếu các kinh nghiệm quốc tế trong triển khai cá nhân hóa học tập tại một số trường đại học tiêu biểu như Harvard Law School (Hoa Kỳ), NUS Law (Singapore) và ANU Law School (Úc). Việc đối chiếu này giúp làm rõ những điểm tương đồng, khác biệt về mục tiêu đào tạo, phương pháp giảng dạy và mức độ

ứng dụng công nghệ trong đổi mới đào tạo pháp lý, từ đó nhận diện các yếu tố có thể vận dụng cho bối cảnh Việt Nam.

Sự kết hợp giữa hai nhóm phương pháp trên cho phép hình thành nền tảng khái niệm và khung phân tích cho việc đề xuất mô hình “Đào tạo luật thích ứng số”. Quy trình tổng hợp đảm bảo kết nối các luận điểm lý luận với kết quả phân tích thực tiễn để xây dựng định hướng ứng dụng, phù hợp cho hoạt động thiết kế chương trình và cải tiến đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam.

2.4. Đảm bảo độ tin cậy nghiên cứu

Để tăng độ tin cậy cho nghiên cứu, bài viết chỉ sử dụng những nguồn dữ liệu có xuất xứ rõ ràng và đã được công bố chính thức, bao gồm báo cáo khoa học, kết quả nghiệm thu đề tài, công trình nghiên cứu và tài liệu hàn lâm có kiểm chứng. Các trích dẫn được đối chiếu chéo nhằm đảm bảo tính chính xác, tính minh bạch và khả năng truy xuất đầy đủ. Bài viết không tiến hành điều tra, khảo sát hay phỏng vấn mới, mà hoàn toàn dựa trên phân tích khoa học từ nguồn dữ liệu thực tế sẵn có, đảm bảo độ chính xác, minh bạch và khả năng kiểm chứng của toàn bộ nội dung nghiên cứu.

III. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực tiễn cá nhân hóa đào tạo luật tại Việt Nam và quốc tế

Trên thế giới, xu hướng cá nhân hóa trong đào tạo luật đang phát triển mạnh mẽ nhờ sự hỗ trợ quyết liệt của công nghệ số, dữ liệu học tập và trí tuệ nhân tạo. Các trường luật hàng đầu đã tiên phong chuyển đổi một cách sâu sắc, chuyển từ mô hình giảng dạy truyền thống sang các hệ thống thích ứng hoàn toàn dựa trên dữ liệu cá nhân.

Trường Luật Harvard tích hợp AI sâu vào chương trình Giáo dục Điều hành về AI và Luật pháp (AI and the Law Executive Education), đang triển khai mạnh năm 2025 và sử dụng học tập thích ứng (adaptive learning) để cá nhân hóa trong nghiên cứu trường hợp (case studies) cùng mô phỏng đàm phán (negotiation simulations). Trường Luật, Đại học Quốc gia Singapore triển khai hệ thống AI gợi ý lộ trình học tập riêng biệt theo mục tiêu nghề nghiệp cụ thể của từng sinh viên (litigation/tranh tụng), corporate law/luật doanh nghiệp) hay public interest/lợi ích công cộng). Trường Luật Đại học New South Wales (Úc) và Trường Luật James E. Rogers thuộc Đại học Arizona đẩy mạnh generative AI (trí tuệ nhân tạo tạo sinh) kết hợp phân tích học tập (learning analytics) để tự động điều chỉnh độ khó của bài tập thực hành pháp lý, theo dõi tiến trình từng người học, gợi ý nội dung/tài liệu phù hợp với trình độ và phong cách học tập riêng, giúp sinh viên phát triển theo nhịp độ cá nhân mà vẫn đảm bảo đạt chuẩn đầu ra nghiêm ngặt.

Bên cạnh đó, mô hình học tập kết hợp (blended learning) cũng được áp dụng rộng rãi tại Anh, Úc và Canada, kết hợp học trực tuyến và trực tiếp để tăng tính linh hoạt về thời gian - không gian, đồng thời sử dụng dữ liệu học tập thu thập từ nền tảng trực tuyến để giảng viên điều chỉnh nội dung và tăng cường tương tác thực tế. Những kinh nghiệm này chứng minh rõ ràng rằng cá nhân hóa không chỉ nâng cao hiệu quả và trải nghiệm học tập mà còn trực tiếp hình thành thế hệ luật sư “sẵn sàng cho tương lai (future-ready)” - thành thạo công nghệ pháp lý, tư duy phản biện sắc bén và sẵn sàng hành nghề trong môi trường pháp lý toàn cầu hóa và số hóa mạnh mẽ.

Tại Việt Nam, dù chuyển đổi số trong giáo dục đại học đã được đẩy mạnh theo Chiến lược quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và các chỉ đạo mới của Bộ GD&ĐT năm học 2024 - 2025 (Công văn số 4606/BGDĐT - GDĐH), xu hướng cá nhân hóa trong đào tạo luật vẫn ở giai đoạn sơ khai, chủ yếu dừng ở mức số hóa học liệu và ứng dụng cơ bản LMS, chưa đạt đến mức thích ứng thực sự dựa trên dữ liệu cá nhân.

Các trường lớn như Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Mở Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế - Luật (ĐHQG TP.HCM) và Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội đã có những bước đi tích cực: đưa một số học phần cốt lõi (Luật Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Quốc tế, Luật Hình sự) lên hệ thống học liệu số hóa; tổ chức các lớp mô phỏng phiên tòa trực tuyến; và áp dụng LMS (Moodle, Canvas hoặc hệ thống nội bộ) để quản lý điểm danh, nộp bài, phản hồi bài tập và theo dõi tiến trình học tập. Một số trường còn thí điểm học liệu mở (OER) và các module tự học trực tuyến, cho phép sinh viên lựa chọn tài nguyên bổ sung theo nhu cầu cá nhân. Đây là nền móng quan trọng, đặc biệt trong bối cảnh đại dịch và yêu cầu chuyển đổi số quốc gia đã thúc đẩy nhanh quá trình này từ năm 2021 - 2023.

Tuy nhiên, thực tế triển khai vẫn còn rất hạn chế và tồn tại nhiều rào cản nghiêm trọng khiến cá nhân hóa chưa thể trở thành xu hướng chủ đạo:

(1) Hạ tầng công nghệ và dữ liệu học tập chưa đồng bộ, thiếu kho dữ liệu lớn tập trung: Hầu hết các trường luật chỉ có hệ thống LMS rời rạc, không liên thông giữa các trường hoặc với nền tảng quốc gia, dẫn đến không thể thu thập và phân tích dữ liệu học tập (learning analytics) một cách sâu để gợi ý lộ trình cá nhân. Việc sử

dụng AI tạo sinh (generative AI) trong đào tạo luật gần như chưa có, ngoại trừ một vài hội thảo thử nghiệm năm 2025.

(2) Năng lực số của giảng viên còn yếu và chưa đồng đều: Đa số giảng viên luật lớn tuổi vẫn quen với phương pháp giảng đường truyền thống, chưa được đào tạo bài bản về công nghệ giáo dục, thiết kế hoạt động học tập thích ứng hay sử dụng AI để cá nhân hóa phản hồi. Kết quả là LMS chủ yếu chỉ dùng để đăng tải liệu và chấm điểm, chứ chưa hỗ trợ theo dõi hành vi học tập, dự đoán khó khăn hay điều chỉnh nội dung tự động cho từng sinh viên.

(3) Cơ chế quản lý đào tạo và chính sách thể chế còn cứng nhắc: Chương trình khung của Bộ GD&ĐT vẫn mang tính thống nhất cao, ít chỗ cho mô - đun linh hoạt hay lộ trình học tập cá nhân. Việc xây dựng chương trình theo hướng dựa trên năng lực (competency -based) hay điều chỉnh dựa trên tiến độ cá nhân (adaptive pathway) gặp khó khăn về kiểm định chất lượng, tín chỉ và đánh giá đầu ra. Đến cuối năm 2025, dù có các chỉ đạo tăng cường ứng dụng AI trong giáo dục, nhưng trong lĩnh vực luật vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể, dẫn đến các trường chỉ dám thử nghiệm cục bộ, quy mô nhỏ, không dám đổi mới mạnh.

Những rào cản này khiến cá nhân hóa học tập trong đào tạo luật Việt Nam hiện nay vẫn chỉ ở mức “số hóa bề mặt” chứ chưa đạt đến “thích ứng sâu” như các trường luật hàng đầu thế giới. Nếu không có sự đổi mới đồng bộ từ thể chế, đầu tư hạ tầng và đào tạo lại nguồn nhân lực trong giai đoạn 2026 - 2030, khoảng cách với chuẩn quốc tế sẽ tiếp tục gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn nhân lực pháp lý trong kỷ nguyên công nghệ pháp lý và chuyển đổi số quốc gia.

3.2. Đề xuất mô hình “Đào tạo luật thích ứng số”

Từ kết quả tổng hợp lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất mô hình “Đào tạo luật thích ứng số” nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục pháp lý trong bối cảnh chuyển đổi số. Mô hình này được thiết kế trên cơ sở kết hợp giữa cá nhân hóa học tập, công nghệ thích ứng và năng lực giảng dạy sáng tạo, gồm ba hợp phần cốt lõi có mối quan hệ tương hỗ.

Thứ nhất, chương trình đào tạo phải được thiết kế theo hướng mô - đun, cho phép sinh viên chủ động lựa chọn các học phần phù hợp với định hướng nghề nghiệp tương lai như luật sư, công chứng viên, chuyên viên pháp lý hoặc nghiên cứu viên. Khung năng lực đầu ra được xác định dựa trên yêu cầu của các vị trí nghề nghiệp, đồng thời gắn với hệ thống đánh giá năng lực theo quá trình nhằm theo dõi sự tiến bộ của sinh viên. Việc tổ chức các hoạt động học tập trải nghiệm - chẳng hạn mô phỏng phiên tòa, phiên họp giải quyết tranh chấp hoặc dự án cộng đồng pháp lý - giúp người học rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống pháp lý một cách thực tiễn và tự nhiên hơn.

Thứ hai, việc áp dụng công nghệ học tập thích ứng được xem là động lực then chốt thúc đẩy mô hình này vận hành hiệu quả. Công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) kết hợp với phân tích dữ liệu học tập có thể theo dõi tiến trình, thói quen và nhu cầu của từng sinh viên để tự động gợi ý nội dung học tập phù hợp. Các hệ thống quản lý học tập (LMS) tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn, cùng các công cụ quản lý quan hệ học tập (CRM), sẽ hỗ trợ giảng viên và nhà trường trong việc phân tích mức độ tương tác, đánh giá và tư vấn học tập cho sinh viên trong môi trường số. Việc xây dựng kho học liệu pháp lý dùng

chung giữa các cơ sở đào tạo luật sẽ góp phần mở rộng khả năng truy cập và tăng cường liên thông học thuật trong lĩnh vực giáo dục pháp lý tại Việt Nam.

Thứ ba, vai trò của giảng viên trong mô hình đào tạo thích ứng được định hình lại theo hướng chuyển từ “người truyền đạt tri thức” sang “người thiết kế và dẫn dắt lộ trình học tập cá nhân”. Thay vì chỉ giảng dạy thuần túy trên lớp, giảng viên đóng vai trò đồng hành, hỗ trợ sinh viên xây dựng chiến lược học tập phù hợp dựa trên dữ liệu học tập thu được. Để thực hiện chuyển đổi này, đội ngũ giảng viên cần được bồi dưỡng về năng lực sử dụng công nghệ giáo dục, thiết kế hoạt động học tập và phân tích dữ liệu nhằm thấu hiểu nhu cầu cá nhân của người học. Khi đó, giảng viên luật số sẽ đóng vai trò vừa là nhà chuyên môn, vừa là người tổ chức, cố vấn và kết nối trong hệ sinh thái học tập.

3.3. Tính khả thi và hàm ý triển khai mô hình “Đào tạo luật thích ứng số” tại Việt Nam

Vào thời điểm cuối năm 2025, khi giai đoạn 2021 - 2025 của Chiến lược chuyển đổi số giáo dục đã kết thúc và chuyển sang giai đoạn mới với những chỉ đạo quyết liệt hơn về ứng dụng AI và dữ liệu lớn (Công văn số 4606/BGDĐT - GDĐH tháng 9/2025 cùng Dự thảo Thông tư hướng dẫn sử dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đại học đang lấy ý kiến rộng rãi), mô hình “Đào tạo luật thích ứng số” không còn chỉ là ý tưởng lý thuyết mà đã sở hữu đầy đủ điều kiện để triển khai thực tiễn với tính khả thi cao, miễn là được thúc đẩy đồng bộ trên ba trụ cột chính: chính sách - thể chế, công nghệ - hạ tầng và nhân lực.

Trụ cột đầu tiên và mang tính quyết định là chính sách - thể chế. Bộ Giáo dục và

Đào tạo cần nhanh chóng ban hành khung hướng dẫn cụ thể về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo luật theo hướng cá nhân hóa, đồng thời bổ sung các tiêu chí bắt buộc về mức độ ứng dụng phân tích học tập (learning analytics) và AI vào bộ tiêu chuẩn kiểm định chu kỳ 2026 - 2030. Các trường luật cần được phép thí điểm chương trình mô - đun linh hoạt, giáo dục dựa trên năng lực (competency - based education) mà không bị ràng buộc cứng nhắc bởi khung tín chỉ thống nhất hiện hành - tương tự đặc cách đã áp dụng cho một số ngành công nghệ từ năm 2024. Chỉ khi có hành lang pháp lý rõ ràng này, việc cá nhân hóa mới có thể chuyển từ thử nghiệm nhỏ lẻ sang triển khai đại trà, bền vững.

Trụ cột thứ hai là công nghệ và hạ tầng. Các trường cần khẩn trương đầu tư hoặc hợp tác xây dựng nền tảng học tập thích ứng chung cho khối ngành luật, có thể dựa trên nền tảng học tập quốc gia Việt Nam (Vietnam National Learning Platform) hoặc liên kết với các nhà cung cấp lớn như FPT, Viettel Solutions, Vingroup. Yêu cầu tối thiểu trong giai đoạn 2026 - 2028 là xây dựng kho dữ liệu học tập liên thông giữa các trường luật lớn, triển khai LMS nâng cao tích hợp AI (Moodle/Canvas với plugin generative AI), và phát triển kho học liệu pháp lý số dùng chung bao gồm cơ sở dữ liệu án lệ, mô phỏng phiên tòa VR/AR, hợp đồng thông minh. Kinh phí có thể huy động từ ngân sách nhà nước (Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến 2030), quỹ khoa học công nghệ của trường và hợp tác doanh nghiệp Legal Tech (LawNet, iLaw, Vietlaw AI).

Trụ cột thứ ba, và cũng là trụ cột quyết định thành công lâu dài, chính là nhân lực. Cần tổ chức đào tạo tập trung

hàng năm cho giảng viên với chương trình “Giảng viên luật số” chuyên sâu về thiết kế hoạt động học tập thích ứng, sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh tạo các nghiên cứu học tập cá nhân hóa và phân tích dữ liệu học tập để tư vấn lộ trình riêng cho từng sinh viên; mục tiêu đến năm 2030 phải đạt ít nhất 70% giảng viên ngành luật có chứng chỉ năng lực số giáo dục theo khung quốc gia 2025. Đồng thời, ngay từ năm nhất, sinh viên cần được trang bị học phần bắt buộc “Kỹ năng học tập thích ứng số và công nghệ pháp lý” (3 tín chỉ) cùng bảng điều khiển, kiểm soát học tập cá nhân để tự theo dõi tiến độ, lựa chọn mô-đun (đơn vị học tập) và nhận gợi ý AI.

Với sự hội tụ đồng bộ của ba trụ cột trên, mô hình “Đào tạo luật thích ứng số” hoàn toàn có thể bắt đầu thí điểm tại 3 - 5 trường luật lớn từ năm học 2026 - 2027 và mở rộng toàn quốc từ 2028 - 2030. Khi thành công, mô hình này sẽ không chỉ giúp Việt Nam thu hẹp đáng kể khoảng cách với các trường luật hàng đầu thế giới mà còn tạo ra thể hệ luật sư và chuyên gia pháp lý thực sự “sẵn sàng cho tương lai”, đủ sức cạnh tranh trong môi trường hành nghề toàn cầu hóa và số hóa mạnh mẽ.

IV. Thảo luận

4.1. So sánh kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy cá nhân hóa trong đào tạo luật đã và đang trở thành một xu hướng quan trọng trong bối cảnh chuyển đổi số, phù hợp với nhận định của OECD (2021) cho rằng “giáo dục cần chú trọng dữ liệu và định hướng người học làm trung tâm trong môi trường số”.

Tuy nhiên, khác với nhiều công trình quốc tế chỉ tập trung vào ứng dụng công nghệ trong hoạt động dạy - học luật (như nghiên cứu của Benjamin et al., 2020;

Singh & Lim, 2022), bài viết này nhấn mạnh rằng cá nhân hóa không chỉ là kỹ thuật, mà là sự tái định hình tổng thể mô hình đào tạo luật - từ thiết kế chương trình, phương pháp, đến vai trò giảng viên.

So sánh với các đề tài trong nước như “Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá năng lực sinh viên ngành Luật” (Bộ GD&ĐT, 2021) và “Ứng dụng công nghệ số trong phát triển chương trình đào tạo Luật” (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2022), nghiên cứu hiện tại đã tiến thêm một bước khi xây dựng mô hình khái niệm “Đào tạo luật thích ứng số”. Mô hình này không chỉ tổng hợp các yếu tố công nghệ mà còn lồng ghép yếu tố cấu trúc chương trình - năng lực giảng viên - chính sách quản trị trong một khung hệ thống nhất quán.

4.2. Tính khả thi của cá nhân hóa đào tạo luật trong bối cảnh Việt Nam

Việc triển khai cá nhân hóa trong đào tạo luật tại Việt Nam là khả thi nhưng cần điều kiện tiên quyết về chính sách, hạ tầng và năng lực tổ chức:

Về phương diện chính sách, cần có những hướng dẫn cụ thể từ Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như sự tham gia của các cơ quan quản lý nhằm chính thức xem cá nhân hóa như một mục tiêu của đổi mới giáo dục đại học. Đây là cơ sở quan trọng để kiểm định chất lượng, đánh giá kết quả học tập và thúc đẩy chuyển đổi số trong đào tạo luật. Việc xây dựng mô hình “Đào tạo luật thích ứng trong môi trường số” là yêu cầu cấp thiết, tương tự như các mô hình mà Singapore hay Hàn Quốc đã áp dụng trong cải tiến đào tạo pháp lý.

Về hạ tầng công nghệ, dữ liệu học tập từ các trường đại học luật tại Việt Nam đã có sự phát triển nhất định nhờ các hệ thống LMS, nhưng phần lớn vẫn còn rời rạc, thiếu tính liên thông. Khi kết hợp dữ

liệu học tập với các kỹ thuật AI, hệ thống có thể hỗ trợ nhận diện nhu cầu, mức độ tiến bộ và phong cách học tập của từng sinh viên, từ đó cung cấp nền tảng quan trọng cho cá nhân hóa thực sự.

Về đội ngũ giảng viên, thách thức đáng kể nằm ở việc nhiều giảng viên luật vẫn quen với phương pháp truyền thống và chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng công nghệ giáo dục. Do đó, các chương trình đào tạo cần phát triển song song hai nhóm năng lực: năng lực sử dụng công nghệ - phân tích dữ liệu và năng lực thiết kế hoạt động học tập thích ứng, nhằm đáp ứng yêu cầu mới của môi trường số.

4.3. Những thách thức trong triển khai thực tiễn

Dù có tiềm năng lớn, việc áp dụng cá nhân hóa trong đào tạo luật tại Việt Nam vẫn đối diện một số thách thức cụ thể:

Thách thức về văn hóa học tập: Môi trường học tập đại học Việt Nam còn nặng tính “thầy - trò truyền thống”, chưa khuyến khích mạnh mẽ tự học và học theo nhịp độ cá nhân.

Thách thức về quản trị học thuật: Cơ chế tín chỉ hiện nay vẫn hướng đến chuẩn hóa, khiến việc linh hoạt hóa chương trình và cá nhân hóa lộ trình học gặp khó khăn.

Thách thức về đánh giá: Hệ thống đánh giá chủ yếu dựa vào điểm thi cuối kỳ, chưa chú trọng đến tiến trình và dữ liệu học tập liên tục, nên khó phản ánh mức độ cá nhân hóa thực sự.

Những thách thức này không phải là rào cản tuyệt đối, mà là cơ hội để tái cấu trúc quy trình đào tạo luật theo hướng thông minh và linh hoạt hơn.

4.4. Hàm ý chính sách và thực tiễn

Nghiên cứu cho thấy để cá nhân hóa đào tạo luật thực sự khả thi, Việt Nam cần tiến hành đồng bộ theo ba trục chiến lược:

Trục thể chế: Cần ban hành các chính sách thúc đẩy đổi mới đào tạo trong bối cảnh số hóa, trong đó xem cá nhân hóa học tập là một yêu cầu quan trọng trong đánh giá và xây dựng chương trình đào tạo luật.

Trục công nghệ: Phát triển nền tảng “Phân tích dữ liệu học tập trong đào tạo luật” - cơ sở dữ liệu chung phục vụ phân tích hành vi học tập của sinh viên luật, tương tự hệ thống EdX và Coursera đang vận hành toàn cầu.

Trục con người: Tái định vị vai trò giảng viên như “chuyên gia hướng dẫn học tập cá nhân”, khuyến khích hợp tác đa ngành giữa chuyên gia pháp lý, kỹ sư công nghệ và nhà sư phạm.

4.5. Hạn chế nghiên cứu và hướng phát triển tiếp theo

Do giới hạn về thời gian và phạm vi, nghiên cứu hiện tại không tiến hành khảo sát trực tiếp mà chủ yếu dựa trên các nguồn dữ liệu thứ cấp và bán thứ cấp từ các đề tài cấp Bộ và cấp trường. Điều này giúp bảo đảm tính xác thực của dữ liệu, nhưng đồng thời cũng thu hẹp khả năng cập nhật các trải nghiệm thực tế của người học và giảng viên.

Hướng nghiên cứu trong tương lai có thể được phát triển theo các hướng sau:

(1) Thử nghiệm mô hình “Đào tạo luật thích ứng số” tại một số trường luật để đánh giá hiệu quả thực tế.

(2) Khảo sát mức độ sẵn sàng tiếp cận mô hình cá nhân hóa của sinh viên và giảng viên.

(3) Phát triển khung chỉ số đánh giá cho giáo dục luật Việt Nam.

4.6. Tổng hợp kết quả thảo luận và định hướng tiếp cận

Tổng hợp kết quả nghiên cứu cho thấy cá nhân hóa trong đào tạo luật không

chỉ là một xu hướng đổi mới của giáo dục đại học trong kỷ nguyên số mà còn là giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo pháp lý ở Việt Nam. Tiếp cận này cho phép quá trình dạy - học trở nên linh hoạt hơn, phù hợp với năng lực, nhu cầu và phong cách học tập riêng của từng sinh viên; đồng thời khuyến khích tư duy phản biện, sáng tạo và sự chủ động của người học - những yêu cầu cốt lõi của nghề luật hiện đại.

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, việc sử dụng công nghệ để phân tích dữ liệu học tập và triển khai các hình thức học tập thích ứng trở thành cơ hội quan trọng để đổi mới mô hình đào tạo luật theo hướng hiện đại và gắn kết hơn với thực tiễn nghề nghiệp. Điều này hỗ trợ người học không chỉ củng cố nền tảng chuyên môn mà còn hình thành các kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu, khả năng phân tích, xử lý vấn đề và thích nghi với môi trường pháp lý đang thay đổi nhanh chóng.

Như vậy, có thể khẳng định rằng việc triển khai thành công mô hình “Đào tạo luật thích ứng số” sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng một nền giáo dục pháp lý hiện đại, chất lượng và hội nhập. Mô hình này không chỉ hỗ trợ người học phát triển năng lực nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn hành nghề pháp lý trong nước, mà còn tạo tiền đề để các cơ sở đào tạo luật của Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn với hệ thống đào tạo pháp lý quốc tế, hướng tới chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và toàn cầu.

V. Kết luận

Nghiên cứu đã tổng hợp và phân tích một cách hệ thống nền tảng lý luận, thực tiễn và các xu hướng quốc tế liên quan đến cá nhân hóa trong đào tạo luật

thời kỳ chuyển đổi số. Kết quả cho thấy đây là xu hướng phù hợp với yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo đại học tại Việt Nam. Bằng việc kế thừa dữ liệu nghiên cứu từ các đề tài khoa học và các phân tích so sánh quốc tế, bài viết đề xuất mô hình “Đào tạo luật thích ứng số” dựa trên ba cấu phần cốt lõi: thiết kế chương trình linh hoạt, ứng dụng công nghệ học tập và đổi mới vai trò giảng viên theo hướng cá thể hóa hoạt động học tập của người học.

Kết quả nghiên cứu góp phần khẳng định giá trị khoa học của việc áp dụng cá nhân hóa vào đào tạo đại học nói chung và đào tạo luật nói riêng. Đồng thời, nghiên cứu bổ sung luận cứ thực tiễn cho quá trình thiết kế chương trình đào tạo, đầu tư công nghệ và phát triển năng lực đội ngũ giảng viên. Đặc biệt, nghiên cứu nhấn mạnh rằng cá nhân hóa không chỉ là việc sử dụng công nghệ, mà là sự thay đổi có tính hệ thống trong triết lý đào tạo: coi người học là trung tâm và định hướng phát triển dựa trên dữ liệu học tập và năng lực nghề nghiệp tương lai.

Trong giai đoạn tới, việc triển khai thử nghiệm mô hình “Đào tạo luật thích ứng số” tại một số trường luật sẽ mang ý nghĩa quan trọng đối với việc kiểm chứng hiệu quả, hoàn thiện cơ sở lý thuyết và thực tiễn của mô hình này đối với giáo dục pháp lý Việt Nam. Qua đó, các cơ sở đào tạo có thể xây dựng môi trường học tập linh hoạt, thúc đẩy sự chủ động của người học và đáp ứng yêu cầu hội nhập, chuyển đổi số và phát triển bền vững của giáo dục đại học Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Benjamin, L. M., & Jacob, C. (2020). *Digital learning transformation in legal education: Opportunities and*

- challenges*. Journal of Legal Education, 69(3), 245 - 262.
- [2]. European Commission. (2023). *Digital Education Action Plan 2021 - 2027: Resetting education and training for the digital age*. Brussels: European Commission.
- [3]. OECD. (2021). *Teaching in the Digital Era: Smart Learning and Personalization in Higher Education*. Paris: OECD Publishing.
- [4]. UNESCO. (2022). *Reimagining our futures together: A new social contract for education*. Paris: UNESCO Publishing.
- [5]. Singh, R., & Lim, W. (2022). *Personalized learning in legal education: Pedagogical innovation in the digital age*. Asian Journal of Legal Education, 9(1), 56 - 74.
- [6]. World Bank. (2021). *Digital transformation of higher education: Building resilient and adaptive systems*. Washington D.C.: The World Bank.
- [7]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Chiến lược chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội.
- [8]. Đại học Mở Hà Nội (2022). *Báo cáo tổng kết đề tài: Ứng dụng công nghệ số và mô hình học tập kết hợp trong đào tạo ngành Luật*. Hà Nội.
- [9]. Nguyễn Ngọc Điện (2020). *Cải cách giáo dục pháp lý ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế*. Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, (9), 15 - 24.
- [10]. Nguyễn Văn Cường & Trần Thị Thu Hà (2023). *Chuyển đổi số trong giáo dục đại học Việt Nam: Xu hướng, thách thức và giải pháp*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 19(2), 22 - 33.
- [11]. Phan Thị Thu Hiền (2022). *Đổi mới phương pháp dạy học ngành Luật theo định hướng phát triển năng lực người học*. Tạp chí Giáo dục, (523), 45 - 49.
- [12]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2021). *Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ: Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá năng lực trong đào tạo luật tại Việt Nam*. Hà Nội.
- [13]. Ủy ban Pháp luật của Quốc hội (2023). *Báo cáo chuyên đề: Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực pháp lý trong thời kỳ chuyển đổi số*. Hà Nội.
- [14]. Nguyễn Thị Thu Trang (2021). *Ứng dụng công nghệ học tập thích ứng trong giáo dục đại học Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, 37(4), 88 - 99.
- [15]. UNESCO Institute for Lifelong Learning. (2023). *AI and higher education: Guidance for policy and practice*. Retrieved from <https://uil.unesco.org>
- [16]. OECD iLibrary. (2022). *Personalised learning in the digital university*. Retrieved from <https://www.oecd-ilibrary.org>
- [17]. World Economic Forum. (2023). *Future of Jobs Report 2023: Skills transformation in the digital age*. Geneva: WEF.

PERSONALIZED LEGAL EDUCATION IN THE DIGITAL ERA: INNOVATIONS TAILORED TO LEARNERS IN VIETNAMESE UNIVERSITIES

Nguyen Thi Minh Hanh¹, Tran Hong Ngoc²

Abstract: *In the digital transformation era, higher education worldwide is shifting from standardized training models toward personalized learning approaches that respond to the diverse needs and learning styles of students. However, legal education in Vietnam remains largely traditional, with limited integration of digital technologies to accommodate the learning preferences of a new generation of students. The study aims to clarify the theoretical foundations, synthesize international experiences, assess domestic practices, and propose a learner - centered model of legal education suitable for the Vietnamese context. The research employs a qualitative content analysis and secondary data synthesis approach, drawing upon results from ministerial - and institutional - level research projects conducted between 2021 and 2024. This method ensures the authenticity and reliability of data, accurately reflecting the current status of legal education reform in Vietnam without relying on hypothetical sources. Findings indicate that personalized legal education is an inevitable trend; however, its implementation in Vietnam remains limited due to technological infrastructure gaps, lecturers' digital competencies, and rigid administrative frameworks. Accordingly, the paper proposes a "Digital - Adaptive Legal Education Model" consisting of three core components: (1) a flexible, competency - based curriculum; (2) adaptive learning technologies; and (3) the lecturer's new role as a personalized learning facilitator. The study provides both theoretical and policy implications for innovating legal education in Vietnam, contributing to the development of a smart, flexible, and learner - centered higher education environment that aligns with global digital transformation.*

Keywords: *personalized learning, legal education, digital transformation, higher education, adaptive model*

¹ Hanoi Open University